

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt sản phẩm Đề án điều tra, đánh giá mực nước dưới đất, khoanh định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất và danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 675/TTr-STNMT ngày 02 tháng 10 năm 2018 và ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước tại Công văn số 993/TNN-NĐĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt sản phẩm Đề án điều tra, đánh giá mực nước dưới đất, khoanh định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất và danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các quận, huyện, xã phường tổ chức thực hiện như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức công bố Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Thông báo, hướng dẫn UBND các quận, huyện, xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định.

c) Hằng năm, tổng hợp số liệu báo cáo kết quả đăng ký khai thác nước dưới đất; định kỳ năm (05) năm một lần hoặc khi cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, trình UBND Thành phố quyết định việc điều chỉnh Danh

mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố để phù hợp với thực tế.

## 2. UBND các quận, huyện:

a) Tổ chức đăng ký cho các tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất công nghiệp thuộc địa bàn quản lý với quy mô không vượt quá 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm nằm trong các khu vực quy định tại Điều 1 và có chiều sâu lớn hơn 20 m từ:

- Cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản;
- Cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến: Thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá;
- Cơ sở chăn nuôi, giết mổ: Gia súc, gia cầm tập trung;
- Cơ sở nuôi trồng thủy sản;
- Cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trong các làng nghề;
- Cơ sở: Thuộc da, tái chế da;
- Cơ sở: Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Cơ sở: Dệt, nhuộm, may mặc;
- Cơ sở sản xuất: Giấy, bột giấy, nhựa, cao su;
- Cơ sở sản xuất: Phân bón, hóa chất, dược phẩm, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, đồ gia dụng;
- Cơ sở: Cơ khí, luyện kim, gia công kim loại, chế tạo máy và phụ tùng;
- Cơ sở sản xuất: Linh kiện, thiết bị điện, điện tử;
- Cơ sở: Sơ chế phế liệu, phá dỡ tàu cũ, vệ sinh súc rửa tàu;
- Nhà máy cấp nước sạch;
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp;
- Cơ sở sản xuất khác.

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký khai thác nước dưới đất và rà soát, đề nghị bổ sung khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất phù hợp với thực tế gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trước ngày 05 tháng 12 hằng năm.

## 3. UBND các xã/phường:

a) Tổ chức đăng ký cho các tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất cho mục đích kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm; giếng khoan khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học nằm trong các khu vực quy định tại Điều 1 và có chiều sâu lớn hơn 20 m thuộc địa bàn quản lý.

b) Báo cáo kết quả đăng ký khai thác nước dưới đất và rà soát, đề nghị bổ sung khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất phù hợp với thực tế gửi

UBND các quận, huyện để tổng hợp, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 05 tháng 12 hằng năm.

4. Đối với các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng nước dưới đất có quy mô trên 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm thì thực hiện thủ tục hành chính đề nghị cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Ngọc Tuấn;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Đài PTTH TPĐN;
- Báo Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, STNMT, QLĐTh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn



### PHỤ LỤC 1

## DANH MỤC KHU VỰC PHẢI ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Quận, Huyện/ Phường, Xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Diện tích khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất (km <sup>2</sup> )	Căn cứ để khoanh định
<b>I</b>	<b>Quận Hải Châu</b>	<b>23,29</b>	<b>23,29</b>	
1	P. Thanh Bình	1,57	1,57	- Khu vực: V
2	P. Thuận Phước	2,40	2,40	- Khu vực: V
3	P. Thạch Thang	1,02	1,02	- Khu vực: V
4	P. Hải Châu 1	0,95	0,95	- Khu vực: V
5	P. Hải Châu 2	0,36	0,36	- Khu vực: V
6	P. Phước Ninh	0,54	0,54	- Khu vực: V
7	P. Hòa Thuận Tây	8,43	8,43	- Khu vực: IV, V
8	P. Hòa Thuận Đông	1,14	1,14	- Khu vực: V
9	P. Nam Dương	0,24	0,24	- Khu vực: V
10	P. Bình Hiên	0,49	0,49	- Khu vực: V
11	P. Bình Thuận	0,59	0,59	- Khu vực: V
12	P. Hòa Cường Bắc	3,46	3,46	- Khu vực: III, V
13	P. Hòa Cường Nam	2,11	2,11	- Khu vực: III, V
<b>II</b>	<b>Quận Cẩm Lệ</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	
14	P. Hòa An	3,2	3,2	- Khu vực: IV, V
15	P. Hòa Phát	6,7	6,7	- Khu vực: IV, V
16	P. Hòa Thọ Đông	2,7	2,7	- Khu vực: IV, V
17	P. Hòa Thọ Tây	8,4	8,4	- Khu vực: IV, V
18	P. Hòa Xuân	12,0	12,0	- Khu vực: III, V
19	P. Khuê Trung	3,0	3,0	- Khu vực: III, V
<b>III</b>	<b>Quận Thanh Khê</b>	<b>9,47</b>	<b>9,47</b>	
20	P. An Khê	2,58	2,58	- Khu vực: V
21	P. Chính Gián	0,73	0,73	- Khu vực: IV, V
22	P. Hòa Khê	0,88	0,88	- Khu vực: IV, V
23	P. Tam Thuận	0,58	0,58	- Khu vực: IV, V

TT	Quận, Huyện/ Phường, Xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Diện tích khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất (km <sup>2</sup> )	Căn cứ để khoanh định
24	P. Tân Chính	0,37	0,37	- Khu vực: IV, V
25	P. Thạc Gián	0,78	0,78	- Khu vực: IV, V
26	P. Thanh Khê Đông	0,83	0,83	- Khu vực: III, IV, V
27	P. Thanh Khê Tây	1,35	1,35	- Khu vực: III, V
28	P. Vĩnh Trung	0,51	0,51	- Khu vực: IV, V
29	P. Xuân Hà	0,85	0,85	- Khu vực: IV, V
<b>IV</b>	<b>Quận Liên Chiểu</b>	<b>74,52</b>	<b>41,49</b>	
30	P. Hòa Minh	7,68	7,68	- Khu vực: III, V
31	P. Hòa Khánh Nam	10,34	10,34	- Khu vực: IV, V
32	P. Hòa Khánh Bắc	10,55	10,55	- Khu vực: IV, V
33	P. Hòa Hiệp Nam	7,62	7,62	- Khu vực: III, V
34	P. Hòa Hiệp Bắc	38,34	5,30	- Khu vực: III, V
<b>V</b>	<b>Quận Sơn Trà</b>	<b>63,39</b>	<b>17,61</b>	
35	P. An Hải Bắc	3,16	3,16	- Khu vực: V
36	P. An Hải Đông	0,82	0,82	- Khu vực: V
37	P. An Hải Tây	1,53	1,53	- Khu vực: V
38	P. Mân Thái	1,16	1,16	- Khu vực: V
39	P. Nại Hiên Đông	4,32	4,32	- Khu vực: V
40	P. Phước Mỹ	1,87	1,87	- Khu vực: V
41	P. Thọ Quang	50,54	4,75	- Khu vực: IV, V
<b>VI</b>	<b>Quận Ngũ Hành Sơn</b>	<b>40,29</b>	<b>40,29</b>	
42	P. Mỹ An	3,30	3,30	- Khu vực: III, V
43	P. Khuê Mỹ	5,48	5,48	- Khu vực: III, IV, V
44	P. Hòa Quý	14,89	14,89	- Khu vực: III, IV, V
45	P. Hòa Hải	16,62	16,62	- Khu vực: III, V
<b>VII</b>	<b>Huyện Hòa Vang</b>	<b>734,89</b>	<b>152,31</b>	
46	X. Hòa Châu	9,10	9,10	- Khu vực: III, IV, V
47	X. Hòa Khương	50,87	20,85	- Khu vực: IV, V

TT	Quận, Huyện/ Phường, Xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Diện tích khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất (km <sup>2</sup> )	Căn cứ để khoanh định
48	X. Hòa Liên	39,49	23,28	- Khu vực: III, IV, V
49	X. Hòa Nhơn	32,59	20,61	- Khu vực: IV, V
50	X. Hòa Ninh	105,20	13,12	- Khu vực: IV, V
51	X. Hòa Phong	18,54	18,54	- Khu vực: IV, V
52	X. Hòa Phước	6,94	6,94	- Khu vực: III, IV, V
53	X. Hòa Sơn	24,27	19,26	- Khu vực: IV, V
54	X. Hòa Tiến	14,49	14,49	- Khu vực: III, IV, V
55	X. Hòa Phú	90,05	3,97	- Khu vực: IV
56	X. Hòa Bắc	343,34	2,15	- Khu vực: IV

- Đối với các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất tại các khu vực nằm ngoài khu vực III, IV và đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung nhưng không đảm bảo cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng thì không bắt buộc thực hiện thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất nếu tổ chức, cá nhân có căn cứ chứng minh việc cấp nước từ hệ thống cấp nước tập trung không ổn định cả về số lượng và chất lượng.

- Đối với các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất tại các khu vực nằm ngoài khu vực III, IV và chưa được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung thì không bắt buộc thực hiện thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất.

**Ghi chú:**

**Khu vực III:** Khu vực bị xâm nhập mặn do khai thác nước dưới đất gây ra, khu vực đồng bằng, ven biển có các tầng chứa nước mặn, nước nhạt đan xen với nhau hoặc khu vực liền kề với các vùng mà nước dưới đất bị mặn, lợ;

**Khu vực IV:** Khu vực đã ô nhiễm hoặc gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất gây ra; Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang và các nguồn thải nguy hại khác;

**Khu vực V:** Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng.

## PHỤ LỤC 2

### MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Trích mẫu 38 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

#### A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

##### 1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: .....  
(Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ và tên theo Chứng minh nhân dân)

1.2. Địa chỉ liên hệ: .....

1.3. Số điện thoại liên hệ (nếu có): .....

##### 2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Vị trí công trình: .....  
(Ghi rõ thôn, xã/phường; huyện/thị xã/thành phố; tỉnh nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất)

2.2. Chiều sâu khai thác: ..... (m);

2.3. Lượng nước khai thác, sử dụng: ..... ( $m^3$ /ngày đêm);

2.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước: .....  
(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

#### B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

(Xác nhận, ký, đóng dấu)

Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức/cá nhân xin đăng ký.
2. Vị trí công trình, lưu lượng khai thác và mục đích sử dụng nước.
3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo và trả Tờ khai thông qua tổ trưởng dân phố (hoặc trưởng thôn) để báo cho cơ quan quản lý hoặc thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.